CHUYỂN BIẾN XÃ HỘI CỦA HUYỆN TỪ LIÊM, HÀ NỘI TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2013 TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA

LÊ THỊ THU HẰNG*

1. Đặt vấn đề

Từ Liêm được thành lập năm 1961 theo Quyết định số 78/QĐ-CP ngày 31-5-1961 của Chính phủ trên cơ sở Quận 5, 6 và một số xã của huyện Hoài Đức, huyện Đạn Phượng, tỉnh Hà Đông (Hà Tây cũ), bao gồm 26 xã, là huyện ngoại thành nằm ở phía Tây-Tây Bắc của Thành phố Hà Nội. Từ thời điểm đó cho đến năm 1996, huyện Từ Liêm đã trải qua nhiều lần thay đổi địa giới hành chính. Đến tháng 11-2013, thời điểm trước ngày huyện bị giải thể để thành lập 2 quận mới thì Từ Liêm có 16 đơn vị hành chính, bao gồm 15 xã và 1 thị trấn, có diện tích tự nhiên là 75,1km^2 và dân số trên 523,4 nghìn người.

Thực hiện chủ trương đổi mới của Thành phố Hà Nội nói chung và huyện Từ Liêm nói riêng, dưới tác động của quá trình đô thị hóa, kinh tế huyện Từ Liêm trong giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2013 đã có sự chuyển biến nhanh chóng, phát triển toàn diện và là địa phương điển hình về tốc độ đô thị hóa nhanh nhất của Thành phố Hà Nội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện Từ Liêm trong giai đoạn 1996-2013 luôn duy trì ở mức từ 16% đến 21%/năm là mức khá cao so với các huyện ngoại thành Hà Nội. Cơ cấu kinh tế huyện Từ Liêm có sự chuyển dịch nhanh, tỷ trọng giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 33,1% năm 1995 lên 58,9% năm 2013; tỷ trọng giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ từ 26% năm 1995 lên 39,7% năm 2013; tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 40,9% năm 1995 xuống còn 1,4% năm 2013 (1). Cơ cấu kinh tế của huyện Từ Liêm đã có bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội đối với vùng ngoại thành Hà Nội, đó là giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại-dịch vụ; từ nền kinh tế nông nghiệp với 2 thành phần chính: kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là chủ yếu sang nền kinh tế nhiều thành phần; kinh tế hộ được trả lại vị trí và phát triển lên một trình độ cao hơn về mọi phương diện so với thời kỳ trước.

Kinh tế thay đổi đã làm cho đời sống xã hội của huyện Từ Liêm cũng thay đổi mạnh mẽ. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày chuyển biến xã hội của huyện Từ Liêm từ năm 1996 đến năm 2013 trong bối cảnh đô thị hóa trên một số lĩnh vực như: dân số, lao động việc làm, giáo dục, y tế, đời sống cư dân, môi trường...

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

2. Chuyển biến xã hội của huyện Từ Liêm

2.1. Về dân số

Quy mô dân số: Từ Liêm là huyện có tỷ suất gia tăng dân số cơ học cao nhất so với các huyện ngoại thành Hà Nội, năm 2012 là 4,95% (2).

Bảng 1: Sự biến động dân số của huyện Từ Liêm và các huyện ngoại thành Hà Nội (3)

Đơn vị: 1.000 người

Huyện	2000	2005	2008	2010	2013
Thanh Trì	228,2	164,8	190,2	208,2	219,3
Từ Liêm	**198,5**	**289,8**	**355,2**	**419,5**	**523,4**
Gia Lâm	345,0	207,9	224,5	241,6	251,4
Đông Anh	262,1	302,6	329,8	355,0	374,2
Sóc Sơn	247,3	267,9	279,4	296,4	312,2

Theo bảng 1, dân số huyện Từ Liêm tăng từ 177.300 người năm 1996 lên 523.400 người năm 2013, gấp hơn 3 lần so với năm 1996. Tỷ lệ tăng dân số của huyện Từ Liêm giai đoạn 2005-2013 là 6,8 - 7,3%, trong đó tăng tự nhiên là 11,3% (4). Với dân số 523.400 người, gấp 3,2 lần so với các huyện ngoại thành khác, Từ Liêm trở thành huyện có quy mô dân số đứng đầu toàn Thành phố Hà Nội, nhưng lại là huyện đứng thứ 18 về diện tích. Điều này cho thấy sức hấp dẫn của cuộc sống đô thị cùng với với sự gia tăng ngày càng nhiều của các tòa nhà cao tầng trong thời gian này là một trong những nguyên nhân chính thu hút số lượng nhiều dân cư từ các địa phương tìm về làm cho quy mô dân số của Từ Liêm tăng lên nhanh chóng trong bối cảnh đô thị hóa.

Với tốc độ đô thị hóa nhanh, từ năm 1996 đến năm 2013, Từ Liêm là huyện ngoại thành có nhiều biến động về quy mô dân số đô thị. Năm 1996, số dân đô thị của huyện là 10,599 nghìn người và chủ yếu tập trung ở 4 thị trấn Cầu Giấy, Mai Dịch, Nghĩa Đô, Nghĩa Tân, đến năm 2013, dân số đô thị đã tăng lên 30,6 nghìn người, tăng gần gấp 3 lần, tập trung chủ yếu ở Thị trấn Cầu Diễn và các xã có tốc độ đô thị hóa cao như Mỹ Đình, Mễ Trì, Trung Văn, Cổ Nhuế. So với các huyện ngoại thành khác của Hà Nội, huyện Từ Liêm là địa bàn có dân số đô thị tăng nhanh thứ hai sau huyện Gia Lâm. Trong cùng thời gian này, huyện Gia Lâm cũng có số dân đô thị tăng từ 29,9 nghìn người lên 35,9 nghìn người; huyện Thanh Trì từ 12,6 nghìn người lên 17,6 nghìn người; huyện Đông Anh từ 25,4 nghìn người lên 28,5 nghìn người; huyện Sóc Sơn từ 4,0 nghìn người lên 4,7 nghìn người (5). Chính vì vậy, mật độ dân cư bình quân của huyện Từ Liêm cũng tăng lên nhanh chóng, từ 2.360 người/km^2 năm 1996 tăng lên gần 7.000 người/km^2 năm 2013, chỉ đứng sau các quận nội thành Hà Nội (11.950người/km^2) (6). Trong đó tập trung nhiều nhất là ở thị trấn Cầu Diễn (14.923 người/km^2, gấp hơn 2 lần mật độ trung bình); tiếp đến là Mỹ Đình (11.304 người/km^2), Đông Ngạc (11.615/người/km^2), Cổ Nhuế là 11.797 người/km^2. Hai đơn vị hành chính có mật độ dân số thấp nhất là Thượng Cát (2.491 người/km$^{2)}$ và Liên Mạc (2.031 người/km$^{2)}$ (7).

Cơ cấu dân số: Trong giai đoạn 2001-2010, dân số của Từ Liêm có tỷ lệ nữ giới thấp hơn nam giới. Năm 2005, tỷ lệ nữ chiếm 48,49% và nam chiếm 51,51% (8); đến năm 2013, tỷ lệ nữ giới chiếm 48,66% và nam giới là 51,34% (9). Cơ cấu độ tuổi của cư dân Từ Liêm cũng có sự thay đổi theo xu thế hợp lý nhưng ở mức độ chậm. Tỷ lệ dân

số trẻ (dưới 15 tuổi) tăng từ 23,48% năm 2001 lên 24,60% năm 2010; tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động có sự dịch chuyển nhẹ từ 65% (2001) lên 65,93% (2010) (10).

Về vấn đề di dân: Di dân cũng là một trong những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Từ Liêm. Số người đến đây làm ăn, sinh sống không ngừng gia tăng. Năm 2000, tổng số người chuyển đi là 938 người, nhưng chuyển đến là 3.363 người, tăng cơ học 2.425 người; thì đến năm 2012, số người chuyển đi là 5.825 người; số người chuyển đến là 21.849 người, tăng cơ học là 16.027 người (11). Đặc biệt là từ năm 2008 đến năm 2012, tỷ lệ người nhập cư về Từ Liêm tăng nhanh, trung bình khoảng 25.000 - 30.000 người/năm. Từ năm 2000 đến năm 2013, số người nhập cư vào Từ Liêm khoảng hơn 204.532 nghìn người, chưa tính tạm trú và số hộ khẩu KT2 và KT3, tập trung chủ yếu ở một số xã như Mễ Trì, Mỹ Đình, Đông Ngạc, Xuân Đỉnh, Xuân Phương, Cổ Nhuế.

Hiện tượng di cư của các xã trong huyện Từ Liêm cũng có sự khác nhau. Những xã có tỷ lệ đô thị hóa cao sẽ thu hút nhiều người đến, còn những xã có tỷ lệ đô thị hóa thấp thì tỷ suất người di cư cao. Năm 2012, các xã có số dân nhập cư lớn là Mễ Trì (5.058 người), Mỹ Đình (3.126 người), Xuân Phương (2.336), Đông Ngạc (2.114 người). Xã có mức độ thay đổi thấp nhất là Thượng Cát với số người chuyển đến là 265 người, số người chuyển đi là 13 người (12).

Việc một lượng lớn dân di cư từ nhiều nơi đến Từ Liêm làm ăn, sinh sống một mặt tạo điều kiện cho huyện có nguồn lao động dồi dào, trẻ, sẵn sàng tham gia các hoạt động kinh tế nhưng mặt khác tạo ra một áp lực lớn đối với việc giải quyết việc làm cho lao động địa phương, vấn đề nhà ở, quản lý xã hội, làm nảy sinh các tệ nạn xã hội... Ngoài bộ phận dân nhập cư từ các tỉnh ngoài, Từ Liêm còn là nơi giãn dân của nội thành. Với chính sách phát triển đô thị của thành phố, Từ Liêm đã tiếp nhận một bộ phận dân cư từ các quận nội thành chuyển ra theo kế hoạch giãn dân hoặc dân tự mua đất ở các quận ngoại thành để xây nhà vườn, biệt thự làm nơi ở và thư giãn cuối tuần. Và với việc gia tăng dân số cơ học đã tạo nên diện mạo đô thị rõ nét cho Từ Liêm. Từ một huyện thuần nông, đến năm 2013, dân số của huyện đã tăng gần 3 lần. Nhiều xã như Xuân Đỉnh, Cổ Nhuế, Mỹ Đình, Mễ Trì, Phú Diễn… đã thành lập các tổ dân phố cho phù hợp với đặc điểm của các khu dân cư mới.

2.2. Về lao động, việc làm

- Quy mô và số lượng lao động, việc làm: Cùng với quá trình đô thị hóa là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sự chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành thị. Xu hướng này đã khiến cho dân số cơ học của huyện Từ Liêm hàng năm tăng lên, chủ yếu là dân nhập cư từ các địa phương khác chuyển đến. Năm 2001, Từ Liêm có 111.583 người trong độ tuổi lao động, đến năm 2006 tăng lên 140.594 người (13). Năm 2013, lực lượng lao động ở Từ Liêm chiếm 52,4%, trong đó số người từ 15 tuổi trở lên chiếm 46,74%, số người chưa có việc làm chiếm tỷ lệ khoảng 5,35% lao động trong độ tuổi. Tốc độ gia tăng lực lượng lao động của huyện từ năm 2000 đến năm 2010 là 2,8%/năm, một tỷ lệ cao so với tốc độ tăng dân số (14).

Mặc dù số lượng lao động tăng qua các năm nhưng huyện Từ Liêm đã có nhiều biện pháp trong công tác giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và ổn định cuộc sống người dân. Số lao động được hỗ trợ việc làm hàng năm ở huyện Từ Liêm có xu hướng tăng theo từng năm, năm 2001, số lao động có việc làm là 3.820 người, đến năm 2013 là 8.700 người. Từ năm 2001 đến năm 2005,

tổng số lao động được tạo việc làm của huyện đạt 26.660 người, bình quân mỗi năm tạo việc làm mới cho 5.332 lao động (15). Từ năm 2006 đến năm 2010, bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho 7.899 lao động. Trong tổng số 254.000 người trong độ tuổi lao động, số người có việc làm ổn định là 71,6%. Từ năm 2011 đến năm 2013, huyện đã hỗ trợ giải quyết việc làm cho 25.963 lao động, bình quân mỗi năm tạo việc làm mới cho hơn 8.654 lao động (16).

So với một số huyện ngoại thành khác của Hà Nội thì số việc làm mới được tạo ra ở Từ Liêm là tương đối cao là do tốc độ đô thị hóa nhanh thu hút được nhiều dự án đầu tư, mặt khác nhiều doanh nghiệp mới được thành lập thu hút được lao động địa phương vào làm việc. Cùng với quá trình phát triển của các khu đô thị mới, sự xuất hiện của các khu công nghiệp (KCN) vừa và nhỏ, các dự án đầu tư xây dựng và các doanh nghiệp… đã tạo ra việc làm cho hàng ngàn lao động. Nếu năm 2005, tỷ lệ công nhân trong tổng số lao động của toàn huyện là 18,5% thì đến năm 2010 là 30%. Ngoài ra, hàng năm các KCN vừa và nhỏ cũng tuyển dụng một lượng lớn lao động từ các địa phương khác. Mức thu nhập của công nhân tại các KCN ở Từ Liêm cũng tăng từ 700 - 900.000 đồng/tháng vào năm 2007 tăng lên 3 - 4 triệu đồng/tháng vào năm 2010 (17). Thu nhập từ việc làm công nhân đã trở thành nguồn thu nhập chính của nhiều gia đình lao động ở địa phương.

- *Cơ cấu lao động, việc làm trong các ngành kinh tế:* Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong các ngành nghề ở Từ Liêm trong giai đoạn 1996-2013 cũng chuyển dịch theo hướng lao động tăng dần trong các ngành thương mại-dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và giảm dần tỷ trọng lao động nông nghiệp. Đến năm 2013, tỷ trọng lao động phi nông nghiệp chiếm 90,8% (18).

Lao động nông nghiệp: Cũng như nhiều huyện ngoại thành Hà Nội, Từ Liêm vẫn giữ truyền thống sản xuất nông nghiệp trong nhiều năm, vẫn là nơi cung cấp một lượng rau - thực phẩm, hoa quả lớn cho nội đô, nhưng dưới tác động của quá trình đô thị hóa, nông nghiệp của huyện đứng trước những thách thức lớn. Đó là đất nông nghiệp bị giảm mạnh, số hộ gia đình bị mất đất sản xuất cũng như số lao động hoạt động trong khu vực này mất việc tăng lên, thiếu việc làm trong ngành nông nghiệp.

Theo thống kê, trong giai đoạn 2000-2011, Từ Liêm đã thu hồi 2.035,86ha đất nông nghiệp với tổng số hộ có đất bị thu hồi là 18.685 hộ, trong đó số hộ bị thu hồi toàn bộ diện tích đất nông nghiệp là 7.269 hộ (chiếm 38,9%); số hộ gia đình bị thu hồi một phần diện tích là 11.416 hộ (chiếm 61,6%) (19). Như thế, một lực lượng lao động lớn của huyện buộc phải chuyển đổi nghề, không còn tư liệu sản xuất. Sự biến đổi này đã tác động trực tiếp đến thực trạng việc làm của các hộ nông dân bị mất đất. Trên thực tế, số lao động có việc làm sau khi bị thu hồi đất còn thấp, chỉ từ 30 đến 45% trong tổng số lao động bị thu hồi đất (20). Phần lớn lao động sản xuất nông nghiệp chuyển sang hoạt động trong các ngành dịch vụ - thương mại, công nghiệp, xây dựng… theo hướng đa ngành nghề. Theo một nghiên cứu cho thấy, tình hình chuyển đổi nghề nghiệp đã diễn ra ở hầu hết các hộ nông dân trên địa bàn Từ Liêm (85,7%). Trong giai đoạn 2000-2013, hầu hết các hộ gia đình ở Từ Liêm đều có lao động chuyển đổi nghề nghiệp, ít nhất là 1 người chiếm 46,2%; 2 người chiếm 24,3% và trên 3 người là 4,8% (21).

Tỷ trọng lao động trong sản xuất nông nghiệp những năm 2001-2006 có giảm nhưng vẫn chiếm một tỷ lệ tương đối lớn, từ 48,56% năm 2001 xuống còn 40,76% vào

năm 2006 (22), nhưng đến năm 2013 thì giảm xuống chỉ còn 9,2% (23).

Việc làm trong các ngành trồng trọt và chăn nuôi giảm mạnh, từ 39% và 28,9% vào thời điểm trước khi bị thu hồi đất xuống còn 21,5% và 7,8% vào năm 2013. Ngược lại, việc làm thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ như kinh doanh buôn bán, cho thuê nhà trọ tăng lên đáng kể từ 5,0% và 0,7% lên 19,3% và 17,2%. Lực lượng lao động nông nghiệp làm các công việc trong ngành thủ công nghiệp như làm bún, thợ sản xuất cũng tăng hơn so với trước khi bị thu hồi đất (24).

Lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng, tiểu thủ công nghiệp: Ngành công nghiệp - xây dựng Từ Liêm đã phát triển mạnh từ đầu năm 2000 đến 2010. Công nghiệp của huyện đạt tốc độc tăng trưởng bình quân trong 5 năm (2005-2010) là 18,2%, vượt 2,2% so với chỉ tiêu năm 2005. Trong những năm 2001-2006, tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng không ngừng tăng lên, từ 20,09% năm 2001 lên 28,96% năm 2006. Hoạt động công nghiệp, TTCN và các nghề truyền thống ở Từ Liêm chủ yếu là các hoạt động kinh tế phi kết cấu, các doanh nghiệp (cơ sở) sản xuất ngoài nhà nước; đã tạo ra được nhiều việc làm mới cho lao động, đặc biệt là các hoạt động của các cơ sở sản xuất ngoài nhà nước, giá trị sản xuất không ngừng tăng lên qua các năm.

Các cơ sở sản xuất ngoài nhà nước đóng vai trò rất quan trọng trong việc thu hút lao động việc làm giai đoạn này. Số lao động trong các cơ sở này khá lớn và hàng năm tạo được số chỗ làm việc mới khá cao. Ví dụ năm 2001 có 339 chỗ làm việc mới; năm 2006 là 1.646 chỗ làm việc mới. Giá trị sản xuất không ngừng tăng lên qua các năm, từ 152.737 triệu đồng năm 2001 lên 732.816 triệu đồng năm 2006. So với tổng số lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng và số chỗ làm việc được tạo ra trong ngành này cho thấy vai trò của các cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài nhà nước trong vấn đề tạo việc làm cho người lao động. Năm 2002, trong tổng số 2.839 chỗ làm việc mới được tạo ra trong công nghiệp - xây dựng thì có 2.053 chỗ làm việc được tạo ra ở các cơ sở sản xuất ngoài nhà nước. Năm 2006, trong tổng số 3.099 chỗ làm việc mới được tạo ra trong ngành này thì các cơ sở sản xuất ngoài nhà nước đã tạo ra 1.646 chỗ làm việc (25).

Trong giai đoạn 2005-2010, số cơ sở sản xuất công nghiệp ngày càng tăng, từ 1.460 cơ sở năm 2005 lên 1.621 cơ sở năm 2010, tăng 161 cơ sở (26). Bên cạnh đó, Từ Liêm đã tiếp nhận triển khai 521 dự án và đã hoàn thành trên 300 dự án, trong đó có nhiều công trình trọng điểm cấp quốc gia và cấp thành phố như: Trung tâm Hội nghị quốc gia, Bảo tàng Hà Nội, Công viên Hòa bình, Khu ngoại giao đoàn, Bộ Quốc phòng, các khu đô thị mới, các dự án trọng điểm về giao thông… nên đã thu hút hàng ngàn lao động thuộc các ngành cơ khí, xây dựng, may mặc, in…

Trong giai đoạn này, hoạt động tiểu thủ công nghiệp ở Từ Liêm cũng thu hút được số lao động tham gia sản xuất trong các làng nghề là khá lớn. Huyện Từ Liêm có 7 làng nghề, lao động làm việc trong các làng nghề có mức thu nhập khá, từ 21-31 triệu đồng/năm, cao hơn thu nhập của lao động thuần nông từ 2-5 lần (27). Các hộ sản xuất chủ yếu tập trung tại một số xã như Mễ Trì, Trung Văn, Cổ Nhuế, Xuân Đỉnh…

Lao động trong ngành thương mại - dịch vụ

Thương mại - dịch vụ là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất trong các ngành kinh tế ở Từ Liêm. Trong những năm 2001-2006, giá trị sản xuất ngành dịch vụ - thương mại tăng trưởng từ 29,85% năm 2002 lên 30,28% vào năm 2006. Khi nguồn lao động tăng nhanh, đất nông nghiệp ngày càng bị

thu hẹp, chỗ làm việc ngày càng thiếu, thì những người có tay nghề có thể mở các loại hình dịch vụ kiếm sống; từ đó các loại hình kinh doanh dịch vụ đã dần hình thành và phát triển.

Loại hình kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ cá thể ở Từ Liêm có số hộ tham gia lớn và không ngừng tăng lên: năm 2003 có 4.336 hộ, năm 2005 là 5.578 hộ với 9.850 lao động thì đến năm 2011 tăng lên 7.434 cơ sở với 11.334 lao động (28). Số hộ tham gia kinh doanh tập trung chủ yếu ở Thị trấn Cầu Diễn và một số xã như Xuân Đỉnh, Cổ Nhuế, Trung Văn, Mễ Trì. Các xã này cũng là nơi có số lượng lao động lớn và ổn định qua các năm. Ngoài ra, một số xã do có tốc độ đô thị hóa cao như Mỹ Đình thì số chỗ làm việc mới được tạo ra là rất lớn, chủ yếu là sự gia tăng các hàng quán tự phát. Khu vực này cũng đóng góp đáng kể số chỗ làm việc mới cho người lao động, đặc biệt là những lao động mất việc làm do bị mất đất.

Trong thời gian này, huyện Từ Liêm tồn tại nhiều loại hình kinh doanh dịch vụ khác nhau, phổ biến nhất là dịch vụ nhà hàng, nhà trọ, dịch vụ bán hàng tạp hóa, sản phẩm tiêu dùng hàng ngày, lương thực thực phẩm… Đây là loại công việc đơn giản, không đòi hỏi tay nghề, do vậy đã góp phần giải quyết việc làm cho một số lao động thất nghiệp, thiếu tay nghề, chuyên môn. Một số loại dịch vụ mới xuất hiện như dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục, dịch vụ văn hóa thể dục thể thao, thẩm mỹ, tư vấn nhà đất, giặt là… cũng có một vai trò nhất định để giải quyết việc làm. Bên cạnh, để hỗ trợ cho ngành dịch vụ thương mại phát triển, huyện Từ Liêm đã có nhiều chính sách ưu tiên về vốn và cấp giấy phép cho nhiều hộ gia đình phát triển dịch vụ và nhiều loại hình kinh doanh, quy hoạch các chợ để tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động làm ăn sinh sống.

Đào tạo, hỗ trợ nguồn lao động

Quá trình đô thị hóa ở Từ Liêm còn góp phần nâng cao chất lượng lao động. Từ Liêm cũng là một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực không chỉ cung cấp cho địa phương mà còn cho các huyện lân cận. Trước năm 2000, việc đào tạo nghề cho lao động vẫn chưa được chú trọng nhiều, số lượng cơ sở đào tạo nghề còn ít, Từ Liêm chỉ có một trường bổ túc văn hóa vừa học vừa làm tại xã Xuân Phương với 4 phòng học cấp bốn, với diện tích 3.000m^2; ngoài ra một số trung tâm dạy nghề mới bắt đầu hình thành song chưa ổn định về địa điểm, về hệ thống ngành nghề và nội dung đào tạo (29). Tuy nhiên, đến năm 2010, huyện đã có 10 cơ sở đào tạo nghề, với nhiều ngành nghề được đào tạo như: cơ sở đào tạo nghề điện, điện tử, tin học (7 cơ sở), ngành cơ khí (3 cơ sở); ngành lái xe, sửa chữa ô tô, xe máy (3 cơ sở), ngành kế toán, thư ký văn phòng (2 cơ sở), ngành nấu ăn, phục vụ khách sạn (2 cơ sở), ngành cắt may, thiết kế thời trang (1 cơ sở) (30)… Sự phân bổ số lượng các cơ sở dạy nghề như vậy cho thấy nhu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động phát triển theo hướng phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế; ngành nghề đào tạo lao động ở Từ Liêm được điều chỉnh theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghệ cao như tin học, điện tử, điện lạnh...

Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa nhanh, trên một góc độ nào đó đã tạo ra sức ép đối với địa phương trong vấn đề giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, đặc biệt là bộ phận lao động trẻ. Vấn đề đặt ra cho Từ Liêm là phải tạo ra việc làm cho số lao động nông nghiệp bị mất đất do đô thị hóa. Do đó, huyện đã có nhiều giải pháp như: Dự án cho vay vốn tự tạo việc làm theo chủ trương của Chính phủ, chương trình vay vốn từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc

làm gắn với chương trình, và nhất là đào tạo nghề. Từ Liêm đã triển khai Đề án "*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Từ Liêm giai đoạn 2011-2020*", trong đó có vấn đề thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng thuộc diện ưu tiên trên địa bàn khi tham gia học nghề ngắn hạn với 8 nhóm nghề; Kinh phí hỗ trợ 350.000đồng/tháng cho lao động học nghề và 200.000đồng/tháng cho cán bộ thực hiện giải quyết việc làm từ nguồn ngân sách địa phương. Trên cơ sở đó, đến năm 2013, Từ Liêm đã mở được 53 lớp đào tạo trình độ sơ cấp nghề 3 tháng. Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt 70%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện đạt 56%. Trong 3 năm (2011-2013), số lao động được đào tạo nghề của huyện là 521.108 người (31).

Trước tình hình số người thất nghiệp do bị mất đất gia tăng, Từ Liêm đã tích cực tìm nhiều biện pháp nhằm giải quyết việc làm cho các hộ gia đình bị thu hồi đất. Huyện đã tạo điều kiện hỗ trợ cho số lao động nông nghiệp bị thu hồi đất chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp thông qua các chương trình, dự án cho vay vốn tự tạo việc làm theo chủ trương của Chính phủ. Cụ thể là: Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các KCN, Từ Liêm quy định: cứ 1.000 m^2 sẽ tuyển 5 lao động của huyện vào làm việc. Hay thực hiện chương trình vay vốn từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm gắn với Chương trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng vật nuôi…

Mặc dù công tác đào tạo nghề của Từ Liêm đã đạt nhiều kết quả song vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại. Đó là: nội dung các chương trình đào tạo nghề, việc gắn kết giữa nội dung đào tạo và yêu cầu thực tế, vấn đề tìm đầu ra cho người đã qua đào tạo; thiếu sự hợp tác giữa các cơ sở đào tạo với các đơn vị sử dụng, hiệu quả trong việc đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật cao… Do đó, có đến 32% số lao động trong các doanh nghiệp ở Từ Liêm không được sử dụng đúng chuyên ngành đào tạo.

2.3. Giáo dục - y tế

Giáo dục

Từ năm 1996 đến năm 2013, hệ thống giáo dục của huyện Từ Liêm không ngừng tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, về cơ sở vật chất, học sinh và thầy cô giáo.

Về cơ sở vật chất: Từ Liêm đã thực hiện đề án xây dựng cơ sở vật chất trường học với sự đóng góp của nhân dân, đầu tư ngân sách của nhà nước và ngân sách của xã. Trường mầm non, trường THCS, THPT đều được chú ý xây dựng và phát triển, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em. Số trường mẫu giáo tăng từ 16 trường năm 1996 lên 30 trường năm 2005 và 57 trường năm 2013. Số trường tiểu học từ 17 trường năm 1996 lên 53 trường năm 2013; Số trường THCS từ 16 trường năm 1996 lên 27 trường năm 2013; Số lượng trường THPT từ 4 trường năm 2005 lên 5 trường năm 2010 (32).

Từ năm 1996 đến năm 2000, huyện Từ Liêm đã xây thêm 228 phòng học kiên cố. Đến năm 2009, 100% phòng học đã được kiên cố hóa, với 1.108 phòng học, tăng 160 phòng so với năm 2005; không còn phòng học cấp 4 ở khối phổ thông và mầm non. Một số trường học được trang bị dụng cụ cho phòng thí nghiệm, nhiều trường có phòng máy vi tính, máy chiếu, thư viện được nâng cấp phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập (33). Đến năm 2013, huyện đã đầu tư cho giáo dục công lập trên 300 tỷ đồng và đã có 32 trường học ở cả ba cấp THCS, Tiểu học và Mầm non đạt chuẩn quốc gia, tăng 24 trường so với năm 2005 (trong đó, trường THCS Trung Văn - trường đầu tiên của Thành phố đạt chuẩn mức độ II) (34).

Về chất lượng giáo dục - đào tạo: Huyện Từ Liêm rất quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng dạy và học, tiến hành nhiều hình thức bồi dưỡng cho cán bộ giáo viên về tư tưởng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cho nên đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức phấn đấu, tỷ lệ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn và trên chuẩn là 100%.

Số lượng học sinh và giáo viên của các khối học không ngừng tăng qua các năm. Giáo viên mẫu giáo năm 2005 là 189 người lên 511 người năm 2010; học sinh mẫu giáo tăng từ 4.956 em năm 2005 lên 11.540 em năm 2010. Số lượng học sinh tiểu học và THCS từ 23.997 em năm 2005 lên 26.649 em năm 2010; Giáo viên tiểu học và trung học cơ sở từ 1.194 người năm 2005 lên 1.425 người năm 2010 (35); Giáo viên cấp THPT từ 205 người năm 2005 tăng lên 334 người năm 2010. Học sinh PTTH từ 4.266 em năm 2005 lên 7.201 em năm 2010 (36).

Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên ở cả ba bậc học phổ thông. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp tăng theo từng năm: tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học từ 95,3% năm 1994 tăng lên 99,2% năm 2005 và 100% năm 2010; Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở từ 95,6% năm 1995 tăng lên 99,9% năm 2010; Số học sinh thi đỗ hết cấp phổ thông trung học từ 95% năm 1993 lên 99% năm 1995 và 98% năm 2010; 100% học sinh trung học cơ sở được hướng nghiệp và dạy nghề, số tốt nghiệp vào trung học phổ thông và bổ túc trung học phổ thông đạt 100%; học sinh khá giỏi các cấp học đạt bình quân 71,3%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 97%; Tỷ lệ trẻ được huy động vào mẫu giáo đạt 83%, 100% trẻ trong độ tuổi được vào lớp 1, đặc biệt huy động được 86% trẻ em khuyết tật ra học các lớp hòa nhập cộng đồng (37).

Đến năm 2013, trong toàn huyện đã hoàn thành phổ cập chương trình tiểu học và trung học cơ sở, các cấp học được củng cố phát triển toàn diện, số học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 99%. Cán bộ, giáo viên đã có nhiều cố gắng thực hiện chương trình cải cách giáo dục, đội ngũ giáo viên dần dần được chuẩn hoá, chất lượng giáo dục được nâng lên, số học sinh đạt loại giỏi các cấp hàng năm đều tăng.

Bảng 2: Tình hình giáo dục ở các bậc học của huyện Từ Liêm từ năm 1996 đến năm 2013 (38)

Năm	1996	2000	2005	2010	2013
Bậc mầm non					
Trường	15	29	30	49	57
Giáo viên	115	238	418	774	1.290
Học sinh	2.962	4.678	8.668	14.671	21.820
	Bậc tiểu học				
Trường	17	20	22	25	53
Giáo viên	551	602	691	966	1.255
Học sinh	17.018	15.412	15.116	23.984	32.191
	Trung học cơ sở				
Trường	16	16	18	21	27
Giáo viên	584	602	846	910	1.075
Học sinh	13.182	12.147	13.413	13.393	15.176

Tuy đã có những thay đổi tích cực trong công tác giáo dục - đào tạo, song vấn đề giáo dục của Từ Liêm vẫn đang chịu sức ép quá tải ở các khu đô thị và những xã đô thị hóa nhanh. Nhiều trường công lập cơ sở vật chất không đáp ứng được nhu cầu đến trường của trẻ vì số lượng quá đông. Thậm chí có một số trường ở khu vực sát nội thành, số lượng học

sinh một lớp lên tới 55-60 học sinh nên không đảm bảo được chất lượng dạy học. Ngược lại, những trường dân lập tư thục trên địa bàn tuy cơ sở tốt nhưng chỉ đáp ứng được cho một bộ phận gia đình có thu nhập cao mà chưa đáp ứng được mặt bằng chung của xã hội. Trong dạy học cũng còn nhiều bất cập. Nhiều trường còn thiên về thành tích nên chất lượng dạy học chưa đúng thực chất. Nội dung đào tạo quá tải so với học sinh. Ngay cả bậc tiểu học, học sinh còn quá nhỏ để có thể dung nạp được nội dung giáo trình mà trường đang dạy.

Y tế

Năm 2004, huyện Từ Liêm có 12/16 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế thì đến năm 2010, đã có 16/16 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và trẻ em thường xuyên được đẩy mạnh đã làm hạn chế tỷ suất sinh và sinh con thứ ba. Trong giai đoạn này, tỷ suất sinh của huyện giảm còn 1,34%; tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm hàng năm, 5% (2006) xuống còn 4,8% (2007), 4,7% (2008), 4,5% (2009) và 4,4% (2010) (39).

Hệ thống dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân phát triển ngày càng mạnh và đa dạng hóa. Từ Liêm đã thực hiện tốt chương trình y tế, đảm bảo tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân nhất là công tác vệ sinh phòng dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm. Ở lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân, Từ Liêm đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia ở cả 16 xã, thị trấn; huyện đã đầu tư khoảng 60 tỷ đồng để nâng cấp các trạm y tế, bổ sung thay mới trang thiết bị khám chữa bệnh nhằm đáp ứng nhu cầu khám bệnh của người dân ngày một tăng, nhất là ở những xã có số dân tăng cơ học lớn.

Hơn nữa, huyện còn chú trọng đến vấn đề xã hội hóa hoạt động y tế nhằm đáp ứng cho công tác bảo vệ sức khỏe toàn dân. Nhiều cơ sở y tế tư nhân đăng ký hoạt động. Đến cuối năm 2010, huyện có 371 cơ sở hành nghề y dược tư nhân (40).

Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng. Đến năm 2010, huyện đã có 190 cán bộ y, bác sĩ. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 76 y tế thôn; 250 cán bộ y tế hành nghề y tế tư nhân, góp phần cùng cơ sở y tế nhà nước chăm sóc sức khỏe nhân dân (41).

Công tác y tế dự phòng được huyện rất coi trọng. Chính quyền địa phương, Phòng Y tế, Trung tâm Y tế, các phòng khám đa khoa huyện phối hợp hoạt động có hiệu quả, tích cực hướng dẫn công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân; phối hợp chặt chẽ với Chi cục thú y huyện kiểm định, giám định vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo không có các vụ ngộ độc lớn xảy ra trên địa bàn huyện; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các dịch bệnh lây lan nguy hiểm như tiêu chảy, sốt xuất huyết, dịch cúm gia cầm…

Các chương trình y tế quốc gia được triển khai đồng bộ có hiệu quả tại cộng đồng, 100% trẻ em được tiêm chủng đủ 7 loại vắc xin theo chương trình tiêm chủng mở rộng. Chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em được nâng cao. Tính riêng năm 2009 đã có 29.500 lượt người đếm khám tại tuyến y tế cơ sở, tăng 8.500 lượt so với năm 2005 (42).

Chương trình y tế học đường được triển khai tốt, chăm sóc sức khỏe cho 99% học sinh các khối trung học cơ sở, mầm non. Từ năm học 2009-2010, hệ thống giáo dục thực hiện thống nhất chế độ bảo hiểm y tế đối với 100% học sinh các cấp học. Phòng chống suy dinh dưỡng có hiệu quả, sức khỏe và thể lực của trẻ em phát triển; tỷ lệ tăng cân đạt 98,52% ở độ tuổi mẫu giáo; 98,08% số trẻ trong độ tuổi nhà trẻ; Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm dần theo từng năm, từ

34,2% năm 1994 xuống 26,5% năm 1995, 14,3% năm 2005 và 10,1% năm 2010 (43).

2.4. Đời sống của cư dân

Đời sống vật chất

Trong giai đoạn 1996-2013, điều kiện nhà ở của người dân Từ Liêm đã được cải thiện rất nhiều. Cùng với hệ thống điện, đường giao thông, thông tin liên lạc…, nhà ở đã góp phần tạo nên bộ mặt kiến trúc và cảnh quan đô thị của huyện Từ Liêm. Mỗi năm huyện Từ Liêm có hàng nghìn ngôi nhà được cải tạo hoặc xây mới, đặc biệt là ở những xã có nhiều hộ dân được đền bù diện tích đất bị thu hồi. Với số tiền nhận được từ bồi thường, hỗ trợ do bị mất đất, các hộ dân ở huyện Từ Liêm đã sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau, trong đó họ ưu tiên cho việc xây dựng nhà cửa khang trang hơn và xây nhà trọ cho thuê. Từ năm 2005 đến năm 2010, số hộ gia đình đã sử dụng gần 70% số tiền bồi thường vào việc xây dựng nhà cửa. Do đó, chất lượng nhà ở của người dân trong huyện đã có nhiều biến đổi. Nếu như trước năm 2000, nhà cửa trên địa bàn huyện chủ yếu là loại nhà cấp 4 hoặc nhà 1 tầng thì đến năm 2013 có rất nhiều nhà kiên cố, đẹp đẽ và khang trang hơn. Phần lớn nhà ở của người dân được xây dựng kiên cố, trung bình từ 3 đến 4 tầng đảm bảo quy hoạch chung, đủ diện tích sử dụng. Những năm 2006-2010, huyện Từ Liêm đã cấp 3.613 giấy phép xây dựng mới chưa kể cải tạo, sửa chữa (44). Trung bình mỗi năm ở Từ Liêm có từ 900-1.000 ngôi nhà được cải tạo hoặc xây mới (45). Bên cạnh đó, theo Quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của thành phố và huyện Từ Liêm trong những năm qua, rất nhiều khu đô thị được xây dựng theo quy hoạch hiện đại, liên kết nâng cấp cơ sở hạ tầng các làng xã, bước đầu tạo thành vùng đô thị mới phía Tây Hà Nội (46).

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội không những làm thay đổi bộ mặt đô thị mà còn giúp cho thu nhập và mức sống người dân của huyện Từ Liêm không ngừng tăng lên. Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện tăng lên hàng năm, từ 3 triệu đồng năm 1996 tăng lên 6,275 triệu đồng năm 2006 (47) và hơn 52 triệu đồng/người/năm năm 2013 (48). Năm 2010 mức thu nhập trung bình toàn huyện là 25 triệu đồng/người/năm (trong đó khu vực nông thôn là 23 triệu đồng/người/năm).

Cơ cấu nguồn thu nhập của người dân từ năm 1996 đến năm 2013 cũng thay đổi. Nếu như trước năm 2000 thu nhập chủ yếu của người dân là từ nông nghiệp, chiếm 60,5% thì đến năm 2013 nông nghiệp chỉ còn 19,3%; các ngành nghề sản xuất kinh doanh, phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ 67,2%, trong đó buôn bán, dịch vụ chiếm 34,3%, cho thuê nhà trọ chiếm 10,2% (49). So sánh với một số huyện lân cận thì mức thu nhập bình quân của người dân huyện Từ Liêm cao hơn. Cụ thể, thu nhập bình quân/người của huyện Thanh Trì từ 8,2 triệu đồng năm 2007 tăng lên 19 triệu đồng năm 2012 (50). Ở huyện Gia Lâm, năm 2000 là 8 triệu đồng/người/năm tăng lên 9,9 triệu năm 2005 (51).

Trong lĩnh vực nông nghiệp, thu nhập của người nông dân cũng được cải thiện đáng kể. Bình quân một ha canh tác đạt 30,8 triệu đồng năm 1990 tăng lên 120 triệu đồng năm 2010; thu nhập một lao động nông nghiệp tăng từ 1,5 triệu đồng vào năm 1995 tăng lên 2,5 triệu đồng năm 2006 và 2,78 triệu đồng năm 2010 (52).

Ngành công nghiệp, TTCN đã thu hút được số đông lao động tham gia sản xuất trong các làng có nghề. Nhiều làng nghề có thu nhập bình quân đạt khoảng 1.092.000 đồng/người/tháng (khoảng 13 triệu đồng/năm), đặc biệt có làng nghề có thu nhập bình quân cao nhất từ 21-31 triệu đồng/năm (53) như Cổ Nhuế (may mặc), Mễ Trì (cốm, bún), Xuân Đỉnh (bánh kẹo, mứt

hoa quả)… Thu nhập bình quân của người dân xã Cổ Nhuế từ 150.000đ năm 1996 tăng lên 830.000đ năm 2005 và 2.100.000đ năm 2012 (54). Thu nhập bình quân của lao động sản xuất bún ở Mễ Trì là 2.500.000đ/tháng so với thu nhập khác là 1.500.000đ/tháng (55).

Trong bối cảnh đô thị nhanh như ở Từ Liêm, các xã trong huyện cũng có nguồn thu khác nhau. Các xã như Mễ Trì, Mỹ Đình, Xuân Đỉnh, Trung Văn, nguồn thu chính của các hộ gia đình chủ yếu là từ những việc làm phi nông nghiệp như buôn bán, dịch vụ nhỏ (49,78%); làm thuê, lao động giản đơn (18,65%). Thị trấn Cầu Diễn, Cổ Nhuế nguồn thu chủ yếu từ buôn bán, dịch vụ hay các hộ kinh doanh cá thể. Các xã Thượng Cát, Xuân Phương, Liên Mạc tuy là khu vực thuần nông với 32,4% hộ làm nông nghiệp, nhưng nguồn thu từ trồng trọt và chăn nuôi chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu nguồn thu của hộ, chỉ đạt 6% (56).

Thu nhập tăng, người dân huyện Từ Liêm có điều kiện để chi tiêu các khoản để phục vụ cho cuộc sống của mình như ăn uống, may mặc, mua sắm các trang thiết bị sinh hoạt hiện đại, khám chữa bệnh, sửa chữa và xây nhà mới, giải trí, du lịch... Nếu như trước năm 2000, các hộ gia đình ở huyện Từ Liêm chủ yếu chi tiêu vào ăn uống, may mặc, thì đến năm 2013, các khoản chi tiêu dành cho xây nhà cửa, khám chữa bệnh, giải trí, du lịch tăng nhanh. Chi ăn uống giảm từ 61,2% năm 2000 xuống còn 37,9%; chi mặc từ 1,0% xuống 0,7%; Chi xây nhà mới từ 40,0% tăng 63,4%; giải trí, du lịch từ 0,2% lên 21,0% (57). Các loại đồ dùng và tiện nghi sinh hoạt trong gia đình như tivi, tủ lạnh, xe máy, điện thoại, máy tính… khá đầy đủ. Một số tiện nghi đắt tiền như điều hòa, bình nóng lạnh, máy giặt, ô tô… cũng có nhiều gia đình đã mua sắm sử dụng. Điều này cho thấy, hiện nay với mức sống ngày càng được nâng cao, người dân không chỉ quan tâm đến việc ăn no, mặc đẹp mà còn quan tâm đến những nhu cầu cao cấp hơn trong cuộc sống.

Đời sống tinh thần

Tâm lý, lối sống

Quá trình đô thị hóa ở Từ Liêm đã cho thấy một bức tranh về một xã hội đô thị đan xen với một xã hội nông thôn truyền thống ở vùng ven đô. Sự đan xen này thể hiện ở nhiều lĩnh vực như không gian sống, cơ sở hạ tầng, sinh kế và lối sống của người dân. Đó là cách họ tiếp cận thông tin, sử dụng thời gian rỗi, cách hưởng thụ văn hóa, chuẩn mực đạo đức, quan hệ cộng đồng, gia đình, dòng họ... Mặc dù mức độ tham dự của mỗi nhóm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mức sống, học vấn, nghề nghiệp, thói quen, nơi cư trú…, nhưng nhìn chung cư dân Từ Liêm đã và đang hoà nhập khá nhanh vào xã hội đô thị.

Đô thị hóa đã đem lại diện mạo mới cho huyện Từ Liêm, người dân đang chuyển dần từ thói quen hưởng thụ thụ động sang hướng chủ động và trực tiếp tham gia các sinh hoạt văn hóa. Họ chủ động tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; lễ hội truyền thống ở địa phương; chủ động trong việc hưởng thụ cuộc sống như giải trí, tiếp cận thông tin, chăm sóc sức khỏe và kết nối chặt chẽ hơn với các mối quan hệ xã hội.

Bên cạnh việc tiếp cận thông tin, sử dụng thời gian rỗi, người dân Từ Liêm cũng có sự thay đổi trong thói quen ăn uống và tiêu dùng. Cư dân được tiếp cận với nguồn thực phẩm phong phú và đa dạng hơn từ các vùng miền, các trung tâm thương mại, dịch vụ… Năm 2000 người dân chỉ mua lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng ở chợ truyền thống địa phương là chính (chợ thôn, xã) nhưng đến năm 2013 thì số người dân đi chợ địa phương giảm từ 95,8% xuống còn

51,2% và thay vào đó là siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tạp hóa… (58).

Bữa ăn hàng ngày cũng được người dân chú trọng và quan tâm hơn trước, từ chất lượng, khẩu vị, xuất xứ thực phẩm, dinh dưỡng đến hình thức bài trí món ăn. Ngoài những bữa cơm với gia đình thì nhiều gia đình hiện nay đã thường xuyên ăn uống tại nhà hàng, khách sạn… Nếp sống công nghiệp đã ít nhiều làm thay đổi vai trò, vị trí và thói quen của văn hóa ẩm thực trong đời sống của cư dân; có gia đình vẫn giữ truyền thống, có gia đình vừa tìm cách thích nghi vừa bảo tồn…

Ngoài ra, quá trình đô thị hóa còn làm thay đổi tính cố kết cộng đồng trong giao tiếp, ứng xử. Trước hết, đó là tổ chức dòng họ đã và đang được củng cố chặt chẽ hơn, ý thức cộng đồng dòng họ của mỗi cá nhân với tư cách là thành viên của dòng họ có xu hướng ngày càng rõ nét hơn. Biểu hiện cụ thể ở thái độ quan tâm của thành viên đến việc sửa chữa hoặc xây dựng nhà thờ của dòng họ; tham gia đóng góp quỹ họ; tổ chức sinh hoạt trong dòng họ…

Hơn nữa, người dân không chỉ bó mình trong các quan hệ gia đình, họ hàng mà đã mở rộng hơn như quan hệ láng giềng thôn xóm, quan hệ với đồng nghiệp, cộng đồng. Ý thức về làng xóm, lối sống tình nghĩa làng quê vốn là truyền thống tốt đẹp của người dân khi nền kinh tế phát triển, xã hội hài hòa thì sẽ có điều kiện thuận lợi để củng cố và phát triển, nhân rộng theo hướng tích cực. Người dân Từ Liêm sẵn sàng tương trợ lẫn nhau trong lúc khó khăn. Việc tương trợ này thể hiện ở việc đóng góp ủng hộ những người gặp khó khăn, bệnh tật…

Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thị trường, con người bị chi phối nhiều vào các điều kiện kinh tế kéo theo các quan hệ xã hội có xu hướng biến đổi cho phù hợp hơn với thực tiễn đời sống thường nhật của các tầng lớp cư dân. Ở đâu càng đô thị hóa nhanh thì những yếu tố trì trệ, bảo thủ và lạc hậu của văn hóa làng càng nhanh bị đào thải, và đó cũng là điều tất yếu, mang tính quy luật trong quá trình CNH, HĐH nông thôn hiện nay.

Văn hóa, thể dục thể thao

Hệ thống các thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở từng bước được hoàn thiện; công tác giữ gìn, bảo tồn phát huy các giá trị lịch sử văn hóa truyền thống và các di tích lịch sử luôn được quan tâm. Phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*, nhiệm vụ *Xây dựng người Hà Nội thanh lịch-văn minh* được triển khai sâu rộng và được hầu hết người dân ở địa phương hưởng ứng. Nếp sống văn minh trong việc cưới xin, tang lễ, lễ hội được quan tâm sâu sát. Nhiều giá trị, nét đẹp văn hóa truyền thống trong gia đình, dòng họ, làng xã được kế thừa. Theo thống kê năm 2013, hơn 64% số đám cưới ở Từ Liêm có sự tiến bộ trong việc tổ chức; 51% số đám tang xóa bỏ được các hủ tục lạc hậu (59). Những hình thức cưới gọn nhẹ, tiết kiệm xuất hiện ngày càng nhiều, được cộng đồng dân cư ủng hộ. Lễ hội tại địa phương diễn ra tương đối lành mạnh, bên cạnh phần lễ là phần hội với các hoạt động văn hóa, thể thao truyền thống diễn ra sôi động và lành mạnh.

Đời sống kinh tế ngày càng được cải thiện và nâng cao, người dân càng có điều kiện dành nhiều sự quan tâm đến đời sống văn hóa tín ngưỡng, lễ hội. Trong những năm gần đây, các di tích lịch sử, văn hóa ở Từ Liêm đã có nhiều thay đổi mạnh mẽ theo hướng tu bổ, phục dựng và xây mới. Nếu từ năm 1990 đến năm 2000 ở Từ Liêm mới chỉ có các lễ hội cổ truyền ở làng xã được phục hồi, đình, chùa, miếu bắt đầu được xây dựng lại, sinh hoạt dòng họ phục hồi chủ yếu ở các vùng nông thôn thì từ năm 2001, rất nhiều nghi lễ, sinh hoạt

văn hóa và tôn giáo tưởng chừng đã mai một đã hồi sinh mạnh mẽ. Các hội làng vẫn tiếp nối quá khứ, mang đậm màu sắc truyền thống. Nhiều tục lệ, lễ nghi cổ xưa được thực hành đúng với vị trí quan trọng của nó ở Từ Liêm. Một nghiên cứu đã chỉ ra rằng có 81% tỷ lệ người được hỏi cho biết họ có tham gia các lễ hội truyền thống hàng năm trên địa bàn sinh sống (60).

Huyện Từ Liêm phấn đấu thực hiện mục tiêu mỗi thôn có một nhà văn hóa, mỗi xã ít nhất có 1 sân vận động thể thao. Năm 2005-2010 huyện đã đầu tư 150 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước và huy động xã hội hóa để xây dựng các công trình văn hóa và tu bổ di tích lịch sử - văn hóa. Đến năm 2010, toàn huyện đã có 102 nhà văn hóa thôn và tổ dân phố (đạt tỷ lệ 90%), 165 điểm vui chơi, Trung tâm văn hóa - thể thao huyện, 10 xã có sân vận động với diện tích từ 10.000m^2 - 16.000 m^2/sân (61). Trong giai đoạn 2008-2013, huyện đã đầu tư hơn 600 tỷ đồng để xây dựng mới 4 trung tâm văn hóa, thể dục thể thao; tu bổ 134 hạng mục di tích; xây dựng và cải tạo 32 nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, đưa tỷ lệ thôn có nhà văn hóa đạt 96% trong toàn huyện, tăng 2,25% so với năm 2008 (62). Hệ thống thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở từng bước được hoàn thiện về quy mô, chất lượng, hiệu quả hoạt động được nâng lên, đáp ứng nhu cầu đời sống của nhân dân.

Huyện có 156 câu lạc bộ văn hóa, 24 câu lạc bộ thơ. Hàng năm, huyện tổ chức nhiều hội diễn ca múa nhạc, nhiều đội văn nghệ tích cực tham gia hội diễn cấp huyện, cấp thành phố. Các câu lạc bộ thể dục thể thao thường xuyên duy trì hoạt động. Số người tham gia luyện tập thể dục thể thao tăng từ 25% (2005) lên 31,5% (2010); Số gia đình tham gia luyện tập thể thao tăng từ 18% (2005) lên 25% (2010); 100% trường phổ thông đảm bảo giảng dạy về thể chất (63).

2.5. Môi trường

Đô thị hóa làm biến đổi môi trường cảnh quan của Từ Liêm. Nếu như trước đây, cảnh quan môi trường của huyện chủ yếu là một bức tranh làng quê điển hình thì từ những năm 2000 đã nhanh chóng nhường chỗ cho diện mạo đô thị với những khu đô thị mới, khu vui chơi, giải trí, khu biệt thự sang trọng, sân vận động quốc gia… Hệ thống đường giao thông phát triển nhanh, đường nhựa, đường bê tông đã được xây dựng đến tận các xã, xóm làng, ngõ ngách. Trong 10 năm (2000-2010), huyện đã phát quang 6.447m đường làng, nạo vét 27.890m kênh, rãnh thoát nước thải với với 20.000 ngày công khơi thông cống rãnh; vận động quyên góp nâng cấp 37 đoạn đường dài 15.260m tại các xã Phú Diễn, Đông Ngạc, Liên Mạc, Cổ Nhuế; ao hồ công cộng thường xuyên được quan tâm cải tạo, vớt rác, trồng sen, nuôi cá… 100% rác thải sinh hoạt được thu gom, vận chuyển đến nơi tập kết của thành phố với tổng khối lượng thu gom, vận chuyển từ năm 2008 đến 2013 là 597.615 tấn; chất thải rắn cũng được xử lý đúng quy trình.

Công tác đầu tư cho bảo vệ môi trường cũng được chú trọng. Nếu năm 2000, kinh phí cho sự nghiệp bảo vệ môi trường của huyện chỉ khoảng 2 tỷ đồng thì vào năm 2009, kinh phí cho công tác này đã gần 6,8 tỷ đồng (64), và đến cuối năm 2013 tăng lên hơn 29,5 tỷ đồng (65). Nguồn nước phục vụ sinh hoạt của cư dân địa phương đã được xây dựng. Nước sạch là một trong những chỉ báo của đô thị hóa.

Tuy nhiên cũng cần lưu ý rằng, sự phát triển của các khu công nghiệp, làng nghề còn thiếu biện pháp xử lý chất thải, nước thải cộng với hệ thống máy móc, thiết bị lạc hậu của các doanh nghiệp chưa được

thay mới đã ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tại một số khu vực nông thôn ngoại thành, đặc biệt là ô nhiễm nguồn nước ngầm, nước sông. Tại một số khu, cụm công nghiệp, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp chưa được xây dựng đồng thời cùng với sự phát triển của các dự án đầu tư và thiếu các nhà máy xử lý rác thải công nghiệp hiện đại cũng là nguyên nhân của tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái. Điều đó đã trực tiếp ảnh hưởng có hại đến đời sống sức khỏe của người lao động và nhân dân. Hơn nữa, để đạt được mục tiêu tăng năng suất cây trồng, vật nuôi người dân phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, thâm canh tăng vụ, đổi mới cơ cấu giống, sử dụng hóa chất, sử dụng phân bón hóa học. Các loại hóa chất này đã và đang là nguyên nhân làm giảm số lượng của nhiều loại sinh vật có ích, làm giảm đa dạng sinh học, làm xuất hiện các loài sâu hại kháng thuốc,... đã tác động rất lớn đến môi trường sinh thái.

3. Nhận xét

Có thể thấy rằng, đô thị hóa đã tác động mạnh mẽ đến huyện Từ Liêm giai đoạn 1996-2013, đem lại bước chuyển biến căn bản trên nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa-xã hội,... đặc biệt tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội của địa phương.

Trước hết, đó là tác động của đô thị hóa đến vấn đề dân số, làm gia tăng nhanh chóng số lượng cư dân trên địa bàn do sự dịch cư từ nông thôn cũng như các khu vực khác về Từ Liêm. Dân số gia tăng nhanh chóng làm biến đổi quy mô, mật độ, thành phần dân cư của huyện Từ Liêm. Đến năm 2013, huyện Từ Liêm đã trở thành huyện có quy mô dân số đứng đầu Thành phố về số dân của một đơn vị hành chính cấp quận, huyện với thành phần dân cư ngày càng đa dạng và liên tục biến động trong bối cảnh đô thị hóa. Sự biến động và gia tăng dân số của huyện có sự khác nhau giữa các đơn vị hành chính trong huyện, giữa xã thuần nông cách xa trung tâm huyện và nội thành Hà Nội, có tốc độ đô thị hóa chậm và nhóm các xã sát với nội đô nơi có tốc độ đô thị hóa nhanh.

Việc gia tăng dân số đã tác động mạnh đến vấn đề lao động - việc làm của địa phương trên nhiều góc độ: Quy mô và số lượng lao động - việc làm tăng là nguồn bổ sung số lượng lớn lao động, nhất là đội ngũ lao động trẻ, có tay nghề, chuyên môn. Cơ cấu lao động, việc làm trong các ngành kinh tế… cũng như việc đào tạo nguồn lao động đã đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Từ thực tế đó, trong cộng đồng dân cư trên một chừng mực nào đó và đối với từng đối tượng đã dần dần hình thành tập quán của người lao động với môi trường đô thị cả trên khía cạnh sản xuất và sinh hoạt.

Các lĩnh vực giáo dục, y tế, môi trường ngày càng được quan tâm và củng cố về mọi mặt; môi trường cảnh quan đô thị dần dần được hình thành và đã mang lại những hiệu quả tích cực. Đô thị hóa đã tác động mạnh mẽ đến đời sống vật chất và tinh thần của cư dân trên địa bàn, trong đó yếu tố tích cực vẫn là chủ đạo. Nhờ có quá trình này mà đời sống vật chất của cư dân không ngừng được nâng cao, đời sống văn hóa tinh thần trở nên phong phú hơn và hướng chuyển dần sang môi trường văn hóa đô thị. Đánh giá về đời sống kinh tế của hộ gia đình, đa số người dân ở huyện Từ Liêm cho rằng điều kiện, chất lượng cuộc sống của họ được cải thiện từng ngày. Một nghiên cứu chỉ ra rằng có 68% người dân cho biết cuộc sống khá hơn so với trước kia, chỉ có 19,1% đánh giá đời sống kinh tế và tinh thần của gia đình vẫn như cũ (66).

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực như đã trình bày, vẫn còn tồn tại một số

thách thức cần được giải quyết quá trình đô thị hóa của huyện, đó là: 1/ Sự gia tăng dân số quá nhanh đã đặt ra những vấn đề nan giải về giải quyết công ăn việc làm, nhà ở và tệ nạn xã hội làm cho trật tự xã hội ven đô ngày càng thêm phức tạp; 2/ Tình trạng thất nghiệp và phân hóa giàu nghèo. Trong quá trình đô thị hoá hội nhập và phát triển, người dân đô thị cần có trình độ văn hoá tay nghề cao để tiếp cận với khoa học kỹ thuật - công nghệ và đáp ứng với nhu cầu tuyển dụng lao động. Song thực tế cho thấy, vẫn còn nhiều người thất học và không đáp ứng được công việc. Thất học, thất nghiệp, đói nghèo dẫn đến phân tầng xã hội; 3/ Vấn đề ô nhiễm môi trường. Tại các địa phương trong huyện, việc chiếm dụng đất công, san lấp mặt bằng, kênh rạch lấn chiếm lòng lề đường để làm nhà và xây dựng trái phép đang diễn ra hàng ngày làm cản trở đến việc tiêu, thoát nước thải từ các làng nghề; ô nhiễm nguồn nước, không khí… Điều đó đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến sinh hoạt của nhân dân và môi trường đô thị; 4/ Vấn đề nhà ở và quản lý trật tự an toàn xã hội ở đô thị. Hiện tượng người dân bất chấp những quy định về quản lý đô thị, tự ý san lấp, lấn chiếm, sang nhượng đất để xây nhà một cách tuỳ tiện, không theo quy hoạch... đã ảnh hưởng đến mỹ quan của địa phương và thành phố. Chắc chắn điều đó sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững của huyện Từ Liêm nói riêng và Thành phố Hà Nội nói chung. Những thách thức đặt ra đã và đang được khắc phục, quan tâm chú ý trong giai đoạn Từ Liêm thành lập 2 quận mới của Hà Nội là Bắc Từ Liêm và Nam Từ Liêm.

CHÚ THÍCH

(1). Xem: - Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Từ Liêm, *Lịch sử Đảng bộ huyện Từ Liêm (1930-2010)*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2010, tr. 427.

- Ủy ban Nhân dân huyện Từ Liêm. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2013, phương hướng, kế hoạch năm 2014, 2013, tr. 4.

(2), (4), (14), (17), (21), (23), (38). Bùi Văn Tuấn, *Biến đổi xã hội vùng ven đô Hà Nội trong bối cảnh đô thị hóa (trường hợp huyện Từ Liêm từ 1996 đến 2013)*, Luận án Tiến sĩ Việt Nam học, Viện Việt Nam học và khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017, tr. 76, 75, 58, 138, 130, 130, 111.

(3). Cục Thống kê Hà Nội. Niên giám thống kê Hà Nội các năm 2005, 2008, 2010, 2013.

(5). Cục Thống kê Hà Nội. Niên giám thống kê Hà Nội các năm 1996, 2013.

(6), (7), (8). Phòng Thống kê huyện Từ Liêm. Niên giám thống kê huyện Từ Liêm các năm 1996, 2013.

(9). Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. 2005. Báo cáo tổng kết 5 năm Chương trình 12/CTr-Tu phát triển kinh tế ngoại thành và từng bước hiện đại hoá nông thôn (2001-2005), định hướng phát triển giai đoạn 2006-2010.

(10). Ủy ban Nhân dân huyện Từ Liêm. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội huyện Từ Liêm các năm 2001, 2010.

(11). Phòng Thống kê huyện Từ Liêm. Niên giám thống kê huyện Từ Liêm các năm 2000, 2012.

(12). Đỗ Thị Minh Đức, *Gia tăng dân số và di dân trên địa bàn Hà Nội*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Thủ đô Hà Nội: Truyền thống nguồn lực và định hướng phát triển, Nxb. Chính trị, Hà Nội, 2015.

(13), (20), (25), (30). Đoàn Thị Yến, *Tạo việc làm cho người lao động huyện Từ Liêm - Hà Nội đến năm 2015*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2007, tr. 40, 51, 55, 27.

(15). Phạm Thị Huyền, *Đảng bộ huyện Từ Liêm (Hà Nội) lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội từ năm 2001 đến năm 2010*, Luận văn Thạc sĩ Lịch

sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG HN, 2014, tr. 32.

(16), (24), (31). Trần Thị Hồng Bích, *Giải quyết việc làm cho nông dân bị thu hồi đất nông nghiệp ở huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQG HN, 2014, tr. 45, 64, 36.

(18), (48). Ủy ban Nhân dân huyện Từ Liêm. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội huyện Từ Liêm các năm 2013.

(19). Doãn Thị Bình, *Đánh giá việc thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG HN, 2011, tr. 48.

(22). Phòng Thống kê huyện Từ Liêm. Niên giám thống kê huyện Từ Liêm các năm 2000-2006.

(26). Cục Thống kê Hà Nội. Niên giám thống kê Hà Nội các năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010.

(27). Nguyễn Thị Hải Vân, *Đô thị hóa và việc làm, lao động ở ngoại thành Hà Nội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013, tr. 97.

(28). Cục Thống kê Hà Nội, Niên giám thống kê Hà Nội các năm 2003, 2005, 2011.

(29). Hoàng Văn Luân, *Đào tạo nghề cho người lao động ở ngoại thành Hà Nội hiện nay (trường hợp huyện Từ Liêm)*, Đề tài khoa học cấp trường Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005, tr. 53.

(32). Phòng Thống kê huyện Từ Liêm. Niên giám thống kê huyện Từ Liêm các năm 1996-2013.

(33), (37), (39), (40), (41), (42), (43), (44), (46), (47). Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Từ Liêm. *Lịch sử Đảng bộ huyện Từ Liêm (1930-2010)*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2010, tr.438-439, 439, 443, 444, 441, 442, 443, 451, 428-429, 314.

(34). Ủy ban Nhân dân huyện Từ Liêm. 2013. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2013, phương hướng, kế hoạch năm 2014.

(35). Bùi Văn Tuấn, *Biến đổi xã hội vùng ven đô Hà Nội trong bối cảnh đô thị hóa (trường hợp huyện Từ Liêm từ 1996 đến 2013)*, tlđd.

(36). Cục Thống kê Hà Nội. Niên giám thống kê Hà Nội các năm 2005, 2010.

(45), (49), (56), (57), (58), (60), (62), (66). Bùi Văn Tuấn, *Biến đổi xã hội vùng ven đô Hà Nội trong bối cảnh đô thị hóa (trường hợp huyện Từ Liêm từ 1996 đến 2013)*, tlđd, tr. 178, 146, 146, 147, 195-196, 63, 151.

(50). Trần Thị Thu Hiền, *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015.

(51). Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Gia Lâm, *Lịch sử Đảng bộ huyện Gia Lâm (1930-2015)*, Nxb.Chính trị Quốc gia Sự thật, 2015, tr. 304.

(52), (61), (63), (64). Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Từ Liêm, *Lịch sử Đảng bộ huyện Từ Liêm (1930-2010)*, sđd, tr.313-423, 435, 437, 450.

(53). Nguyễn Thị Hải Vân, *Đô thị hóa và việc làm, lao động ở ngoại thành Hà Nội*, sđd, tr. 97.

(54). Nguyễn Thị Hà Giang, *Mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình dưới tác động của quá trình đô thị hóa (nghiên cứu trường hợp xã Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội)*, Khóa luận tốt nghiệp, Khoa Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2013, tr. 26.

(55). Bùi Văn Tuấn, *Đô thị hóa và những vấn đề kinh tế - xã hội vùng ven đô Hà Nội (trường hợp nghiên cứu xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội)*, Luận văn thạc sĩ, Viện Việt Nam học và khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, tr. 51.

(59), (65). Ủy ban Nhân dân huyện Từ Liêm. 2013. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2013, phương hướng, kế hoạch năm 2014.